

Bản án số: 03/2025/KDTM-PT
Ngày 20-3-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Quang Kiên

Bà Lê Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng thi công.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2025/QĐPT-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 03/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T; địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Taiyo, số 97 đường Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Mạnh C - Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức T - Phó Tổng giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 311/UQ-202GROUP ngày 15/12/2023), có mặt.

- Bị đơn: Tổng Công ty X- CTCP; địa chỉ: Số 268 Trần Nguyên Hãn, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn Th – Tổng Giám đốc, vắng mặt;

Đại diện theo ủy quyền:

1- Ông Phạm Trung H – Phó trưởng phòng phát triển dự án (theo giấy ủy quyền số 14/UQ-BDCC ngày 10/9/2024), vắng mặt.

2- Ông Nguyễn Anh T – Chuyên viên pháp chế phòng Phát triển dự án (theo giấy ủy quyền số 14/UQ-BDCC ngày 10/9/2024), có mặt.

3- Ông Lương V – Chuyên viên phòng quản lý xây lắp (theo giấy ủy quyền số 17/UQ-BDCC ngày 09/10/2024), vắng mặt.

4- Bà Phạm Thị Minh G – Phó trưởng phòng kế toán (theo giấy ủy quyền số 20/UQ-BDCC ngày 23/10/2024), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Công ty Cổ phần T (trước đây là Công ty Cổ phần B5) và Tổng Công ty X ngày 06/6/2015 đã ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 6615/BDCC-BD5 và các Phụ lục Hợp đồng về việc: “Thi công Gói thầu A2: Xây dựng tuyến cống nước thải: Tuyến 2, tuyến 3 và kênh An Kim Hải, tuyến cống hộp Phương Lưu thuộc Dự án Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn Hải Phòng, giai đoạn I”. Theo điều khoản quy định trong hợp đồng thì bên Công ty Cổ phần T phải có trách nhiệm nộp bản vẽ và hồ sơ hoàn công của từng phần, từng giai đoạn của từng hạng mục công trình đã thi công. Bên Tổng Công ty X - CTCP phải tổng hợp hồ sơ, nghiệm thu khối lượng hàng tháng của Công ty cổ phần T thực hiện được chủ đầu tư xác nhận để lập hồ sơ thanh toán. Công ty Cổ phần T phải thực hiện bảo hiểm và bảo hành công trình theo quy định trong hợp đồng. Về giá trị Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh giá trị của hợp đồng chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng 10% và dự phòng chi là 83.207.922.168 đồng. Về thời hạn thanh toán hợp đồng: Bên Tổng Công ty X - CTCP phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền thanh toán từ chủ đầu tư và bên Tổng Công ty X nhận hồ sơ hợp lệ, hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng thi công xây dựng số 6615/BDCC-BD5 đã hoàn thành, Công ty Cổ phần T đã nộp đầy đủ các căn cứ tài liệu để nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Ngày 04/12/2020 Tổng công ty X- CTCP đã lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Tại biên bản đã kết luận: Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành có điều kiện, công trình xây dựng tuyến cống nước thải để đưa vào sử dụng và không có yêu cầu gì khác. Với giá trị hợp đồng là 83.207.922.168 đồng (Tám mươi ba tỷ hai trăm linh bảy triệu chín trăm hai mươi hai nghìn một trăm sáu mươi tám đồng) Tổng Công ty X- CTCP đã thanh toán cho Công ty cổ phần T số tiền 75.510.376.993 đồng số tiền còn lại là

7.697.545.175 đồng khoản tiền này đã được xác định trên cơ sở giá trị khối lượng hoàn thành quyết toán giữa hai bên.

Công ty cổ phần T đã xuất đầy đủ hoá đơn cho Tổng công ty X- CTCP. Và phía công ty cũng đã nhiều lần đôn đốc nhưng Tổng công ty X - CTCP chưa thanh toán cho Công ty cổ phần T. Đến ngày 31/12/2023 giữa Công ty cổ phần T và Tổng công ty X- CTCP lập biên bản đối chiếu công nợ và xác nhận công nợ với số tiền là 7.697.545.175 đồng (bảy tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi năm nghìn một trăm bảy mươi năm đồng). Căn cứ vào bảng phân chia vốn đối ứng Chủ đầu tư thanh toán ngày 28/4/2021 và bảng phân chia giá trị thanh toán đợt 21 ngày 27/7/2021 thể hiện số tiền đã được chủ đầu tư thanh toán cho gói thầu A2 số tiền đền bù tổn thất trước thuế là: 660.976.322 đồng và số tiền từ nguồn vốn đối ứng mà chủ đầu tư đã thanh toán về Tổng Công ty X là: 603.955.823 đồng tổng là 1.264.932.145 đồng (Một tỷ, hai trăm sáu mươi tư triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi năm đồng). Số tiền chưa thanh toán trên mặc dù Công ty Cổ phần T đã nhiều lần đôn đốc nhưng Tổng công ty X- CTCP không thanh toán. Nay Công ty Cổ phần T đề nghị Toà án buộc Tổng Công ty X - CTCP phải trả số tiền trên theo quy định của pháp luật và yêu cầu Toà án buộc Tổng công ty X-CTCP phải chịu tiền lãi của số tiền theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử (ngày 30/10/2024) do chậm thanh toán.

Tại nội dung Văn bản gửi Toà án ngày 10/6/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, hòa giải và tại phiên toà - Đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty X - CTCP(BDCC) trình bày:

Ngày 23/7/2014, Tổng công ty X – CTCP (viết tắt là BDCC) đã ký Hợp đồng số 06/HĐKT-06/2014 với Liên danh Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 (Cienco 8) và Công ty Cổ Phần Đầu tư xây dựng Việt Nhật về việc chuyển giao công việc của Cienco 8 cho BDCC là Nhà thầu phụ thực hiện thi công xây dựng toàn bộ khối lượng các hạng mục: Cải tạo kênh An Kim Hải, Cầu BC1, Cầu BC2, Cầu BC4, Tuyến nước thải số 3 phần phía đông thuộc Gói thầu A2 theo Hợp đồng số 02/2012/HĐXD-BQL ngày 20/3/2012 đã ký với Chủ đầu tư. Tiếp tục, ngày 10/4/2015, Phụ lục số 02/HĐ02/2015 của Hợp đồng 02/2012/HĐXD-BQL và các Phụ lục hợp đồng về sau được ký kết giữa Ban QLDA Chủ đầu tư với Liên danh Cienco 8 - Việt Nhật và BDCC về việc giao BDCC là Nhà thầu phụ thực hiện các hạng mục phát sinh thuộc Gói thầu A2 và BDCC đã giao cho Công ty B5 (nay là Công ty cổ phần T) thi công một số hạng mục thuộc Hợp đồng chính thông qua Hợp đồng thi công xây dựng số 6615/BDCC-BD5 ngày 06/6/2015 và các Phụ lục Hợp đồng đã ký. Tại gói thầu này, BDCC đã thanh toán cho Công ty 202 đến 97,5% khối lượng hoàn thành, đồng thời tạm giữ của Công ty 202 số tiền: 1.331.029.777 đồng, tương ứng với tỷ lệ dòng tiền Chủ đầu tư đã thanh toán cho BDCC. Theo điều kiện của các Hợp đồng nêu trên, Công ty 202 chỉ được thanh toán giá trị quyết toán Hợp đồng khi BDCC hoàn thành quyết toán Hợp đồng với

Chủ đầu tư. Đồng nghĩa với việc dự án phải được Cấp có thẩm quyền thẩm tra phê duyệt Quyết toán vốn đầu tư công trình. Đến nay Gói thầu A2 - Dự án thoát nước Hải Phòng cũng đã thi công hoàn thành và được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng từ tháng 12/2020 nhưng thời gian thanh quyết toán đến nay cũng đã hơn 03 năm, suốt thời gian dài cũng chưa quyết toán được với Sở Tài chính. Mặc dù BDCC đã nhiều lần làm việc với Chủ đầu tư của Gói thầu và yêu cầu các thầu phụ cùng bố trí cán bộ lên phục vụ công tác hoàn thiện hồ sơ hoàn công quyết toán và giải trình khối lượng với Sở tài chính. Tuy nhiên, đối với dự án nêu trên, thầu phụ Công ty 202 đều không bố trí cán bộ phối hợp cùng. Mà theo điều kiện hợp đồng, thầu phụ phải luôn phối hợp cùng BDCC để hoàn hiện các hồ sơ, các thủ tục pháp lý còn thiếu, phối hợp với BDCC thực hiện công tác quyết toán, thanh lý và thu hồi vốn. Hiện tại Chủ đầu tư cũng chưa quyết toán và thanh toán hết tiền cho dự án Gói thầu A2 cho BDCC.

Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tổng Công ty X - CTCP sẽ thanh toán 100% gói thầu cho Công ty cổ phần T sau khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: Hồ sơ pháp lý dự án giữa Tổng Công ty X - CTCP với Chủ đầu tư và giữa Tổng Công ty X - CTCP với Thầu phụ được hoàn thiện đầy đủ; Chủ đầu tư thanh toán hết giá trị quyết toán công trình cho Tổng Công ty X – CTCP; Công ty Cổ phần T phát hành bảo lãnh chờ quyết toán.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST, ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 398, Điều 401 và Điều 403 Bộ luật Dân sự Bộ luật Dân sự 2015; Điều 306 Luật Thương mại; Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Điều 138, Điều 139, Điều 141 và Điều 144 Luật xây dựng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

1. Buộc Tổng Công ty X - CTCP phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần T với số tiền gốc chưa thanh toán của Hợp đồng số 6615/BDCC-BD5 ngày 06/6/2015 là 1.264.932.145 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm sáu mươi tư triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi năm đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/10/2024 là 141.291.188 đồng tổng bằng 1.406.223.333 (Một tỷ bốn trăm linh sáu triệu hai trăm hai mươi ba nghìn ba trăm mười ba) đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Công ty cổ phần T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty cổ phần T số tiền 30.668.412 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm mười hai đồng) là tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003261 ngày 10/5/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Tổng Công ty X - CTCP phải nộp 54.186.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án đối với Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/11/2024 bị đơn Tổng Công ty X – CTCP có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST, ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng thi công xây dựng phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn Tổng Công ty X – CTCP có trụ sở tại: Số 268 Trần

Nguyễn Hân, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, vì vậy, Tòa án nhân dân Quận Lê Chân thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không ai đề nghị bổ sung người tham gia tố tụng nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào những người tham gia tố tụng được xác định trong Quyết định xét xử vụ án để xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 68, Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ 02, có mặt người đại diện theo uỷ quyền của người kháng cáo, người không kháng cáo nhưng có quyền lợi liên quan đến việc kháng cáo, căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty X – CTCP:

[2.1] Về Hợp đồng thi công xây dựng: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự đều thừa nhận: Ngày 06/6/2015 Công ty Cổ phần T (trước đây là Công ty Cổ phần B5) và Tổng Công ty X - CTCP ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 6615/BDCC-BD5 và các Phụ lục Hợp đồng về việc: “Thi công Gói thầu A2: Xây dựng tuyến cống nước thải: Tuyến 2, tuyến 3 và kênh An Kim Hải, tuyến cống hợp Phương Lưu thuộc Dự án Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn Hải Phòng, giai đoạn I”. Theo điều khoản quy định trong hợp đồng thì bên Công ty Cổ phần T phải có trách nhiệm nộp bản vẽ và hồ sơ hoàn công của từng phần, từng giai đoạn của từng hạng mục công trình đã thi công. Bên Tổng Công ty X-CTCP phải tổng hợp hồ sơ, nghiệm thu khối lượng hàng tháng của Công ty cổ phần T thực hiện được chủ đầu tư xác nhận để lập hồ sơ thanh toán. Công ty Cổ phần T phải thực hiện bảo hiểm và bảo hành công trình theo quy định trong hợp đồng. Về giá trị Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh giá trị của hợp đồng chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng 10% và dự phòng chi là 83.207.922.168 đồng. Về thời hạn thanh toán hợp đồng: Bên Tổng Công ty X - CTCP phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền thanh toán từ chủ đầu tư và bên Tổng Công ty X nhận hồ sơ hợp lệ, hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định trong hợp đồng. Bên Tổng Công ty X - CTCP có quyền giữ lại 5% giá trị khối lượng hoàn thành để chờ quyết định phê duyệt quyết toán, trong trường hợp Công ty cổ phần T phát hành bảo lãnh chờ phê duyệt quyết toán thì phía Tổng Công ty X – CTCP có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền này cho Công ty cổ phần T. Tại thời điểm ký kết hợp đồng có nội dung, hình thức và mục đích, chủ thể tham gia ký kết phù hợp quy định tại các điều 117, 118, 119 của Bộ luật Dân sự; các điều 138, 139 và Điều 141 của Luật Xây dựng, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 6615/BDCC-BD5 ngày 06/6/2015: Theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng

ngày 04/12/2020 thì phía Tổng Công ty X - CTCP và Công ty cổ phần T đã thống nhất xác nhận nội dung: *“Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành có điều kiện công trình xây dựng tuyến cống nước thải: Tuyến 3 Đông và kênh An Kim Hải, tuyến cống hộp An Kim Hải và đường trên cống hộp An Kim Hải thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hợp phần thoát nước mưa và Hợp phần thoát nước thải thuộc dự án thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn Hải Phòng giai đoạn 1 để đưa vào sử dụng. Yêu cầu phải sửa chữa, hoàn thiện bổ sung hoặc có ý kiến khác: như đã nêu tại khoản 2 mục III”*. Tại khoản 2 mục III có ghi nhận cần hoàn thiện khắc phục: Sửa chữa lại nắp ga OC10. Theo bảng tính giá trị thanh toán đợt 12 (tương đương với đợt 21 với chủ đầu tư), ngày 23/9/2021 thì giá trị của Hợp đồng số 6615/BDCC-BD5 ngày 6/6/2015 được điều chỉnh xác định giá trị bằng 84.793.411.706 đồng. Tại Biên bản hoàn thành nghĩa vụ bảo hành tháng 11/2023 thì chủ đầu tư Ban Quản lý dự án Phát triển đô thị và Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và các Cơ quan có thẩm quyền liên quan gồm Sở Xây dựng, đơn vị Quản lý khai thác, sử dụng là Công ty TNHH MTV thoát nước Hải Phòng và Đại diện Nhà thầu đã thống nhất xác nhận: Gói thầu A2 đã hoàn thành các công tác sửa chữa bảo hành, không còn tồn tại sai sót hư hỏng cần sửa chữa, đồng thời Chấp thuận kết thúc thời hạn bảo hành đối với công trình. Tại Công văn số 1171/BQLDD-GSHT ngày 23/10/2024 của Ban Quản lý dự án ĐTXD Công trình Dân dụng Hải Phòng đã xác định: Gói thầu A2 đã được bàn giao đưa vào sử dụng, hoàn thành nghĩa vụ bảo hành; giá trị còn lại Nhà thầu Tổng công ty X – CTCP được thanh toán tối đa là 2.247.495.930 đồng; Liên quan đến việc thanh toán chi phí hoàn trả xây dựng các công trình lân cận ảnh hưởng trong quá trình thi công (bồi thường tổn thất), chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng – CTCP số tiền là 6,7 tỷ đồng. Mặt khác theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/12/2023 đối với Gói thầu A2 xây dựng tuyến cống nước thải giữa Tổng công ty X – CTCP và Công ty Cổ phần T đã xác định: Giá trị Hợp đồng xác định bằng số tiền 84.793.411.706 đồng; Giá trị khối lượng hoàn thành đã xuất hoá đơn 84.731.854.443 đồng; giá trị đã tạm ứng thanh toán 77.034.309.268 đồng; Giá trị còn phải thanh toán 7.697.545.175 đồng. Như vậy tính đến ngày 31/12/2013 thì phía bị đơn Tổng công ty X còn nợ nguyên đơn Công ty Cổ phần T gói thầu A2 số tiền là 7.697.545.175 đồng. Trong khi đó theo thoả thuận tại khoản 10.2 Điều 10 của Hợp đồng thi công xây dựng số 6615/BDCC-BD5 ngày 06/6/2015 và việc trình bày của các đương sự tại toà thì phía Tổng công ty X – CTCP chỉ được giữ là tối đa 5% giá trị khối lượng đã hoàn thành tương ứng với số tiền 4.236.592.722 đồng là số tiền Bảo lãnh chờ quyết toán, điều đó có nghĩa phía Công ty Cổ phần T sau khi đối chiếu khoản nợ và số tiền giữ lại chờ quyết toán thì còn có thể được yêu cầu thanh toán số tiền là 3.460.952.453 đồng. Phía bị đơn Tổng Công ty X - CTCP cho rằng phía Công ty cổ phần T chưa phát hành bảo lãnh chờ phê duyệt quyết toán là 5% giá trị khối lượng hoàn thành nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện thanh toán của Công ty cổ phần T là không có căn cứ. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn

phải trả số tiền theo bảng phân chia vốn đối ứng Chủ đầu tư thanh toán ngày 28/4/2021 và bảng phân chia giá trị thanh toán đợt 21 ngày 27/7/2021 thể hiện số tiền đã được chủ đầu tư thanh toán cho gói thầu A2 số tiền đền bù tổn thất trước thuế là: 660.976.322 đồng và số tiền từ nguồn vốn đối ứng mà chủ đầu tư đã thanh toán về Tổng Công ty X là: 603.955.823 đồng tổng là 1.264.932.145 đồng không thuộc phạm vi và nằm trong số tiền phía Tổng công ty X – CTCP được quyền giữ lại theo thoả thuận của Hợp đồng. Việc yêu cầu này phù hợp với các Điều 398, Điều 401 và Điều 403 Bộ luật Dân sự; Điều 138, Điều 139, Điều 141 và Điều 144 Luật xây dựng nên Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

[2.3] Xét về yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của Công ty cổ phần T đối với số tiền 1.264.932.145 đồng thời hạn tính lãi từ 01/01/2024 đến tháng 10/2024: Kể từ ngày hai bên xác nhận công nợ 31/12/2023 Công ty cổ phần T đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Tổng Công ty X - CTCP không trả. Mặt khác hai khoản tiền nguyên đơn yêu cầu, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người đại diện của Tổng Công ty X - CTCP đều xác định là số tiền được phân chia vốn đối ứng Chủ đầu tư thanh toán ngày 28/4/2021 và bảng phân chia giá trị thanh toán đợt 21 ngày 27/7/2021 thể hiện số tiền đã được chủ đầu tư thanh toán cho gói thầu A2 số tiền đền bù tổn thất trước thuế là: 660.976.322 đồng và số tiền từ nguồn vốn đối ứng mà chủ đầu tư đã thanh toán về Tổng Công ty X là: 603.955.823 đồng tổng là 1.264.932.145 đồng. Theo thoả thuận trong hợp đồng thì phía Tổng Công ty X – CTCP phải thanh toán cho Công ty T sau 05 ngày kể từ những ngày nêu trên, nhưng việc không thanh toán là chưa tuân thủ đúng quy định của hợp đồng đã ký kết. Hơn nữa như phân tích tại mục [2.2] khoản tiền này nằm ngoài phạm vi số tiền phía Công ty X – CTCP được quyền giữ lại. Căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại; Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần T là phù hợp với pháp luật. Căn cứ tài liệu xác minh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam lãi suất trung bình là 13,5%/năm. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi là 141.291.188 đồng đến thời điểm xét xử sơ thẩm là có căn cứ bị đơn kháng cáo là không có căn cứ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng có một số thiếu sót sau: Tại bút lục số 436a thể hiện nội dung cấp sơ thẩm nhận được Công văn số 1171/BQLDD-GSHT ngày 25/8/2024 của Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng, cùng ngày 25/8/2024 Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 749/2024/QĐST-KDTM và thực hiện các thủ tục tố tụng tiếp theo. Tuy nhiên tại dòng thứ 9 trang 7 của Bản án số 06/2024/KDTM-ST ngày 30/10/2024 (từ dưới lên) Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm lại xác định Công văn số 1171/BQLDD-GSHT của Ban quản lý dự án

Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng được ban hành ngày 23/10/2024, nội dung này phù hợp với tài liệu do đương sự Công ty Cổ phần T cung cấp thể hiện Công văn số 1171/BQLDD-GSHT của Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng được ban hành ngày 23/10/2024. Việc làm này của cấp sơ thẩm sai sót, tuy nhiên không ảnh hưởng đến bản chất vụ án nhưng cũng cần rút kinh nghiệm sâu sắc. Mặt khác trong đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án và Biên bản hoà giải công khai tài liệu chứng cứ ngày 25/9/2024 (trước khi đưa vụ án ra xét xử) phía nguyên đơn Công ty Cổ phần T đề nghị Toà án buộc bị đơn Tổng Công ty X – CTCP phải trả khoản nợ gốc là 1.264.932.145 đồng và khoản tiền lãi của số tiền nợ; số tiền nợ gốc còn lại 6.432.613.030 đồng, Tổng Công ty X CTCP phải cam kết thời hạn thanh toán cho Công ty Cổ phần T. Nhưng trong Bản án số 06/2024/KDTM-ST ngày 30/10/2024 cấp Sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu: “số tiền nợ gốc còn lại 6.432.613.030 đồng, Tổng Công ty X CTCP phải cam kết thời hạn thanh toán cho Công ty Cổ phần T” là có thiếu sót, tuy nhiên phía nguyên đơn Công ty Cổ phần T không kháng cáo Bản án về nội dung này và tại cấp phúc thẩm cũng không yêu cầu đề nghị xem xét nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết nhưng cũng cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm về nội dung này.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét cấp phúc thẩm thấy kháng cáo của bị đơn đề nghị huỷ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng là không có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Công ty cổ phần T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty cổ phần T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Tổng Công ty X - CTCP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của Tổng Công ty X - CTCP không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 148, 173, 175, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 117, 118, 119 và Điều 398, Điều 401, Điều 403 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 138, Điều 139, Điều 141 và Điều 144 Luật xây dựng.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty X – CTCP, giữ nguyên Bản án sơ thẩm:

1. Buộc Tổng Công ty X - CTCP phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần T với số tiền gốc chưa thanh toán của Hợp đồng số 6615/BDCC-BD5 ngày 06/6/2015 là 1.264.932.145 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm sáu mươi tư triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi năm đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/10/2024 là 141.291.188 đồng tổng bằng 1.406.223.333 (Một tỷ bốn trăm linh sáu triệu hai trăm hai mươi ba nghìn ba trăm mười ba) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Trả lại Công ty cổ phần T số tiền tạm ứng án phí 30.668.412 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm mười hai đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003261 ngày 10/5/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Tổng Công ty X - CTCP phải nộp 54.186.700 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 000351 ngày 18/11/2024, Tổng Công ty X - CTCP còn phải nộp 54.186.700 đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- TAND quận Lê Chân;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt

